

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST

Ngày 09 - 01 - 2026

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 278/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2025/QĐXXST-DS ngày 27/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2025/QĐST-DS ngày 15/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 21/11/1978. CCCD số: 024078002022, cấp ngày 25/4/2021. Nơi cư trú: Số nhà 01 ngõ 139 đường P, tổ dân phố P, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Văn K: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số nhà 15 đường V, tổ dân phố G, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (văn bản uỷ quyền ngày 24/10/2025) vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn M, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K do chị Trịnh Thị T đại diện theo uỷ quyền trình bày:* Ngày 25/03/2021, anh có ký Hợp đồng đặt cọc Dây Liên kề LK08 Khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2. Anh chuyển trực tiếp tiền đến tài khoản Ngân hàng số 100871909479 của Trần Thị T2 số tiền 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn) tiền đặt cọc và

chuyển đến tài khoản Ngân hàng số 19034437344011 của Dương Văn T số tiền 1.280.000.000 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền kênh. Sau khi nhận tiền kênh, Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Nhưng vợ chồng T1, T2 không có khả năng thực hiện hợp đồng, đã bị tuyên án vì tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Số tiền đặt cọc anh chuyển cho Trần Thị T2 và số tiền kênh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 tổng cộng là 1.920.000.000 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) đã được tuyên trong phần dân sự của Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thuộc phần trách nhiệm dân sự của vợ chồng T1, T2. Phần trách nhiệm dân sự của T trong việc trả lại số tiền kênh anh đã chuyển thì chưa được giải quyết. Sau đó, Dương Văn T đã trả lại cho anh tổng số tiền là 335.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Cụ thể: lần 1 trả 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), lần 2 trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lần 3 vào ngày 06/02/2024 trả 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Tuy nhiên, từ tháng 02/2024 đến nay, anh liên lạc nhiều lần và yêu cầu anh T trả lại tiền thì anh T hứa hẹn và khất nhưng không trả. Đến thời điểm hiện tại, anh T còn phải trả lại anh số tiền là 625.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Do vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 625.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ sau lần trả cuối cùng, từ ngày 01/3/2024 theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử vụ án.

* *Bị đơn anh Dương Văn T*, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K do chị Trịnh Thị T đại diện theo ủy quyền anh K, chị T đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và chỉ yêu cầu anh T trả tiền gốc là 625.000.000đ, không yêu cầu lãi suất. Anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K do chị Trịnh Thị T đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 105, 166, 357 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn K 625.000.000đ tiền gốc (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K, khởi kiện đòi tiền kênh sau khi đặt cọc mua đất đối với anh Dương Văn T. Nơi cư trú: Thôn M, xã Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Ngày 25/03/2021, anh có ký Hợp đồng đặt cọc Dây Liên kè LK08 Khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2. Anh chuyển trực tiếp tiền đến tài khoản Ngân hàng số 100871909479 của Trần Thị T2 số tiền 1.600.000.000 đồng tiền đặt cọc và chuyển đến tài khoản Ngân hàng số 19034437344011 của Dương Văn T số tiền 1.280.000.000 đồng tiền kênh. Sau khi nhận tiền kênh, Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 320.000.000 đồng. Nhưng vợ chồng T1, T2 không có khả năng thực hiện hợp đồng. Tại Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, đã xử phạt vợ chồng T1, T2 về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc vợ chồng T1, T2 phải trả anh K số tiền cọc anh K chuyển cho Trần Thị T2 và số tiền kênh anh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 tổng cộng là 1.920.000.000 đồng. Phân trách nhiệm dân sự của anh T trong việc trả lại số tiền kênh anh K đã chuyển thì chưa được giải quyết. Sau đó, anh T đã trả lại cho anh K tổng số tiền là 335.000.000 đồng. Cụ thể: lần 1 trả 160.000.000 đồng, lần 2 trả 50.000.000 đồng, lần 3 vào ngày 06/02/2024 trả 125.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 06/02/2024 đến nay, anh K liên lạc nhiều lần và yêu cầu anh T trả lại tiền thì anh T hứa hẹn và khất nhưng không trả. Do vậy, anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T phải có trách nhiệm trả cho anh K số tiền 625.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật tranh chấp kiện đòi tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc, không yêu cầu lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn K do chị Trịnh Thị T đại diện theo uỷ quyền đều vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu đòi tiền gốc:

[2.1] Xuất phát từ quan hệ làm ăn kinh tế, ngày 25/03/2021, anh K có ký Hợp đồng đặt cọc Dây Liên kè LK08 Khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2. Anh K chuyển trực tiếp tiền đến tài khoản Ngân hàng số 100871909479 của

Trần Thị T2 số tiền 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) tiền đặt cọc và chuyển đến tài khoản Ngân hàng số 19034437344011 của anh Dương Văn T số tiền 1.280.000.000 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) tiền kênh. Sau khi nhận tiền kênh, anh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Nhưng vợ chồng T1, T2 không có khả năng thực hiện hợp đồng. Tại Bản án số 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, đã xử phạt Phạm Xuân T1 16 (mười sáu) năm tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 1 (một) năm 10 (mười) tháng tù mà Phạm Xuân T1 phải chấp hành theo Bản án hình sự số: 159/2023/HS-ST ngày 16/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, buộc Phạm Xuân T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 17 (mười bảy) năm 10 (mười) tháng tù. Xử phạt Trần Thị T2 14 (mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt 2 (hai) năm tù mà Trần Thị T2 phải chấp hành theo Bản án hình sự số: 159/2023/HS-ST ngày 16/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”, buộc Trần Thị T2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Số tiền đặt cọc anh K chuyển cho Trần Thị T2 và số tiền kênh anh Dương Văn T chuyển cho Trần Thị T2 tổng cộng là 1.920.000.000 đồng (một tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) đã được tuyên trong phần trách nhiệm dân sự của Bản án số: 42/2024/HS-ST ngày 09/05/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, thuộc phần trách nhiệm dân sự của vợ chồng T1, T2 phải trả anh K. Phần trách nhiệm dân sự của anh T trong việc trả lại số tiền kênh (960.000.000đ) còn lại anh K đã chuyển khoản cho anh T thì chưa được giải quyết trong vụ án này, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Anh K trình bày: Sau đó, anh Dương Văn T đã trả lại cho anh K tổng số tiền là 335.000.000 đồng (ba trăm ba lăm triệu đồng). Cụ thể: lần 1 trả 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), lần 2 trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), lần 3 vào ngày 06/02/2024 trả 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng), đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, từ sau ngày 06/02/2024 đến nay, anh K liên lạc nhiều lần và yêu cầu anh T trả lại tiền thì anh T hứa hẹn và khất nhưng không trả. Nay anh K khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm trả cho anh K số tiền gốc 625.000.000 đồng (sáu trăm hai lăm triệu đồng) là có căn cứ. Do vậy cần buộc anh T phải có trách nhiệm trả anh K số tiền gốc còn lại nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao, niêm yết các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn không phối kết hợp để làm việc, tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số: 278/QĐ-CCTLCC ngày 05/11/2025 đã yêu cầu anh T phải cung cấp các tài liệu chứng cứ như: “*Trình bày diễn biến sự việc anh K chuyển tiền kênh cho anh T trong quá trình anh K đặt cọc mua khu dân cư mới xã Tam Dị với vợ chồng Phạm Xuân T1, Trần Thị T2. Cụ Thể anh K đã chuyển tiền kênh này cho anh T là bao nhiêu, anh T đã xử lý số tiền anh K chuyển cho này như thế nào? Đã trả lại lại cho anh K được bao nhiêu? Giao nộp các hoá đơn, chứng từ, tài liệu chứng cứ chứng minh kèm theo. Yêu cầu*

phản tố (nếu có)”, nhưng đến nay anh T vẫn không cung cấp, anh T phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu chứng cứ theo pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn K 625.000.000đ tiền gốc (Sáu trăm hai lăm triệu đồng). Xét là phù hợp Điều 105, 166, 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên anh Dương Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Hoàn trả anh Nguyễn Văn K tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 105, 166, 357 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn K. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Nguyễn Văn K 625.000.000đ tiền gốc (Sáu trăm hai lăm triệu đồng).

2. Về án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 29.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Văn K 18.125.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002366 ngày 24/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt, hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi